

Số: ~~44~~10/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công đối với 12 nghề trình độ sơ cấp
áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn
Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giáo dục Nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của
Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực
lượng vũ trang;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;*

*Căn cứ Nghị định số 191/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của
Chính phủ quy định chi tiết về tài chính Công Đoàn;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của
Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về
việc làm;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019 của
Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và
lực lượng vũ trang;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của
Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm,
dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của
Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

Căn cứ Quyết định số 188/1999/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ tuần làm việc 40 giờ;

Căn cứ Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Thông tư 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 05 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2019/TT-BNV ngày 24 tháng 05 năm 2019 Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc chuyển xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành Quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp; quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4721/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Bộ định mức kinh tế - kỹ thuật đối với 60 nghề trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 34227/TTr-SLĐTBXH ngày 21 tháng 11 năm 2022, ý kiến của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 7399/STC-QLG ngày 24 tháng 10 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành đơn giá, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Ban hành kèm theo Quyết định này đơn giá dịch vụ sự nghiệp công đối với 12 nghề trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Phạm vi điều chỉnh: quy định về giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp đối với dịch vụ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 03 tháng cho phụ nữ, lao động nông thôn, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

3. Đối tượng áp dụng:

a) Các Sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức được ủy quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

c) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực, doanh nghiệp có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định pháp luật, có tư cách pháp nhân, có chức năng cung ứng sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công của Nhà nước.

d) Người học là: phụ nữ, lao động nông thôn, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 2. Đơn giá dịch vụ và kinh phí thực hiện

1. Đơn giá dịch vụ sự nghiệp công đối với 12 nghề trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (chi tiết tại phụ lục đính kèm).

2. Kinh phí thực hiện: Ngân sách Thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân TP;
- TTUB: CT, PCT;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam TP;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND TP;
- Ban VHXH HĐND TP;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (04b);
- Sở Tài chính; Sở Tư pháp;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Nội vụ;
- Các sở, ban, ngành TP;
- UBND quận, huyện, thành phố Thủ Đức;
- VPUB: PCVP/VX, KT;
- Phòng VX, KT, TH;
- Lưu: VT, (VX/Th2). 14



Dương Anh Đức



Phụ lục

Đơn giá dịch vụ sự nghiệp công đối với 12 nghề trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~44-10~~ /QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Đơn giá cho 01 học viên/khóa học
1	Đào tạo để sát hạch cấp phép lái xe hạng B2	Sơ cấp I	9.054.000
2	Đào tạo để sát hạch cấp phép lái xe hạng C	Sơ cấp I	10.327.000
3	Hàn điện	Sơ cấp I	9.010.000
4	Sửa chữa ô tô động cơ xăng	Sơ cấp I	2.200.000
5	Sửa chữa máy may công nghiệp	Sơ cấp I	4.462.000
6	Sửa chữa Điện dân dụng	Sơ cấp I	5.093.000
7	Sửa chữa Điện công nghiệp	Sơ cấp I	5.514.000
8	Điện tử công nghiệp	Sơ cấp I	6.219.000
9	Điện tử dân dụng	Sơ cấp I	5.992.000
10	Điện lạnh công nghiệp	Sơ cấp I	8.266.000
11	Tin học văn phòng căn bản	Sơ cấp I	1.002.000
12	Tin học văn phòng nâng cao	Sơ cấp I	1.031.000